

Phụ lục 1 / Appendix 1

DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA TỔNG CÔNG TY
THE LIST OF AFFILIATED PERSONS OF THE CORPORATION

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2026

Reporting Period: First half of 2026

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại Tổng công ty (nếu có) <i>Position at the Corporatio n (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH <i>ID card/ Business Registration Certificate No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reasons</i>	Mối quan hệ liên quan với Tổng công ty <i>Relationship with the Corporation</i>
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ BOARD OF DIRECTORS									
1	Ông/Mr. Hoàng Văn Quang		Chủ tịch HĐQT <i>Chairman of the Board of Directors</i>			25/04/2023			Người nội bộ của Tổng công ty <i>Internal persons of the Corporation</i>
2	Ông/Mr. Lê Như Linh		Thành viên HĐQT kiêm TGD <i>Member of the Board of Directors cum CEO</i>			01/12/2018			Người nội bộ của Tổng công ty <i>Internal persons of the Corporation</i>
3	Bà/Ms. Vũ Thị Tố Nga		Thành viên			19/04/2019			Người nội bộ

			HĐQT <i>Member of the Board of Directors cum CEO</i>						của Tổng công ty <i>Internal persons of the Corporation</i>
4	Bà/Ms. Nguyễn Hoàng Yến		Thành viên HĐQT <i>Member of the Board of Directors cum CEO</i>			19/04/2019	01/08/2026		Người nội bộ của Tổng công ty <i>Internal persons of the Corporation</i>
5	Ông/Mr. Nguyễn Anh Tuấn		Thành viên HĐQT <i>Member of the Board of Directors cum CEO</i>			22/12/2020			Người nội bộ của Tổng công ty <i>Internal persons of the Corporation</i>
6	Bà/Ms. Nguyễn Thị Ngọc Bích		Thành viên HĐQT <i>Member of the Board of Directors cum CEO</i>			03/07/2018			Người nội bộ của Tổng công ty <i>Internal persons of the Corporation</i>
7	Ông/Mr. Nguyễn Bá Phước		Thành viên độc lập HĐQT <i>Independ ent Members of the Board of</i>			25/04/2023			Người nội bộ của Tổng công ty <i>Internal persons of the Corporation</i>

			<i>Directors</i>						
8	Ông/Mr. Phạm Ngọc Khuê		Thành viên độc lập HĐQT <i>Independent Members of the Board of Directors</i>			22/04/2025			Người nội bộ của Tổng công ty <i>Internal persons of the Corporation</i>
9	Ông/Mr. Phan Anh Minh		Thành viên Hội đồng quản trị <i>Member of the Board of Directors cum CEO</i>			01/08/2026			Người nội bộ của Tổng công ty <i>Internal persons of the Corporation</i>
BAN KIỂM SOÁT/ SUPERVISOR BOARD									
1	Ông /Mr. Phạm Minh Đức		Trưởng ban Kiểm soát <i>Head of Supervisory Board</i>			25/04/2023			Người nội bộ của Tổng công ty <i>Internal persons of the Corporation</i>
2	Bà/Ms. Vũ Thị Ngọc Dung		Kiểm soát viên <i>Supervisor</i>			26/06/2018			Người nội bộ của Tổng công ty <i>Internal persons of the Corporation</i>

3	Bà/Ms. Hà Thị Minh Nguyệt		Kiểm soát viên <i>Supervisor</i>			19/04/2019			Người nội bộ của Tổng công ty <i>Internal persons of the Corporation</i>
4	Bà/Ms. Nguyễn Thị Thanh Hương		Kiểm soát viên <i>Supervisor</i>			25/04/2023			Người nội bộ của Tổng công ty <i>Internal persons of the Corporation</i>
5	Bà/Ms. Đỗ Thị Minh Hồng		Kiểm soát viên <i>Supervisor</i>			20/05/2026			Người nội bộ của Tổng công ty <i>Internal persons of the Corporation</i>

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC/ BOARD OF DIRECTORS

1	Ông/Mr. Nguyễn Duy Giang		Phó TGD <i>Deputy general director</i>			03/07/2018			Người nội bộ của Tổng công ty <i>Internal persons of the Corporation</i>
2	Ông/Mr. Phan Ngọc Hiền		Phó TGD <i>Deputy general director</i>			30/08/2019			Người nội bộ của Tổng công ty <i>Internal persons of the Corporation</i>
3	Ông/Mr. Nguyễn Kiên		Phó TGD <i>Deputy</i>			06/09/2019			Người nội bộ của Tổng

			<i>general director</i>						công ty <i>Internal persons of the Corporation</i>
4	Ông/Mr. Ngô Văn Chiến		Phó TGDĐ <i>Deputy general director</i>			26/10/2022			Người nội bộ của Tổng công ty <i>Internal persons of the Corporation</i>
5	Ông/Mr. Trương Việt Phương		Phó TGDĐ <i>Deputy general director</i>			27/11/2023			Người nội bộ của Tổng công ty <i>Internal persons of the Corporation</i>
6	Ông/Mr. Vương Thế Lực		Phó TGDĐ <i>Deputy general director</i>			22/04/2026			Người nội bộ của Tổng công ty <i>Internal persons of the Corporation</i>
BỘ PHẬN KIỂM TOÁN NỘI BỘ/ INTERNAL AUDIT DEPARTMENT									
1	Bà/Ms. Tô Ngọc Tuyết	596868	Người phụ trách Kiểm toán nội bộ; Phó Trưởng Ban Kiểm soát nội bộ PV Power <i>Head of Internal Audit;</i>			20/07/2023			Người nội bộ của Tổng công ty <i>Internal persons of the Corporation</i>

			<i>Deputy Head of Internal Control Committee</i>						
2	Bà/Ms. Trần Dạ Thu		Người làm công tác Kiểm toán nội bộ <i>Internal Audit Officer</i>			21/10/2021			Người nội bộ của Tổng công ty <i>Internal persons of the Corporation</i>
3	Bà/Ms. Nguyễn Thị Hằng		Người làm công tác Kiểm toán nội bộ <i>Internal Audit Officer</i>			20/07/2023			Người nội bộ của Tổng công ty <i>Internal persons of the Corporation</i>

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN/ AUTHORIZED PERSON FOR INFORMATION DISCLOSURE

1	Ông/Mr. Nguyễn Đình Thì		Người được UQ CBTT; Trưởng Ban KTKH TCT <i>Authorized Informatio n Disclosure Officer; Head of Economic Planning Departmen</i>			01/01/2021			Người nội bộ của Tổng công ty <i>Internal persons of the Corporation</i>
---	----------------------------	--	---	--	--	------------	--	--	---

			<i>t of the Corporatio n</i>						
NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY/ RESPONSIBLE PERSON FOR CORPORATE MANAGEMENT									
1	Bà/Ms. Nguyễn Thị Minh Nghĩa		Người phụ trách quản trị Tổng công ty; Phó Chánh văn phòng TCT <i>Head of Corporate Governance; Deputy Chief of Office of the Corporation</i>			16/10/2019			Người nội bộ của Tổng công ty <i>Internal persons of the Corporation</i>
KẾ TOÁN TRƯỞNG/ CHIEF ACCOUNTANT									
1	Ông/Mr Chu Quang Toàn		Kế toán trưởng <i>Chief Accountant</i>			19/04/2019			Người nội bộ của Tổng công ty <i>Internal persons of the Corporation</i>
CÔNG TY MẸ/ THE PARENT CORPORATION									
1	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam VietNam National Industry - Energy Group			Số ĐKKD: 0100681592, ngày cấp: 01/07/2010, nơi cấp: Hà Nội <i>Business Registration</i>	18 Phố Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội	01/07/2018			Công ty Mẹ của Tổng công ty <i>The parent Corporation</i>

				Number: 0100681592, Date of Issue: 01/07/2010, Place of Issue: Hanoi.	18 Lang Ha Street, Giàng Võ Ward, Hanoi City				
CÁC TỔNG CÔNG TY/CÔNG TY KHÁC CÙNG TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM/ COMPANIES/ CORPORATIONS WITHIN THE VIETNAM NATIONAL INDUSTRY - ENERGY GROUP									
1	Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch <i>Vung Ang - Quang Trach power project management board</i>			Số ĐKKD: 0100681592 - 025, ngày cấp: 11/08/1998, nơi cấp: Quảng Bình <i>Business Registration Number: 0100681592 - 025, Date of Issue: 11/08/1998, Place of Issue: Quang Binh.</i>	Thôn Vĩnh Sơn, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình <i>Vinh Son Hamlet, Quang Dong Commune, Quang Trach District, Quang Binh Province</i>	01/07/2018			Ban Quản lý dự án thuộc Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam <i>Deputy Director of VietNam National Industry - Energy Group</i>
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam <i>Vietnam Public Joint Stock commercial Bank</i>			Số ĐKKD: 0101057919, ngày cấp: 02/02/2018, nơi cấp: Hà Nội <i>Business Registration Number: 0101057919, Date of Issue: 02/02/2018, Place of Issue: Hanoi.</i>	Số 22 Ngô Quyền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội <i>22 Ngo Quyen Street, Trang Tien Ward, Hoan Kiem District, Hanoi</i>	01/07/2018			Ngân hàng cùng Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam <i>Banks within the VietNam National Industry - Energy Group</i>
3	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau <i>Ca Mau Petroleum Fertilizer Joint Stock Company</i>			Số ĐKKD: 2001012298, ngày cấp: 24/03/2011, nơi cấp: Cà Mau	Lô D, KCN Phường 1, Đường Ngô Quyền P.1, Thành phố Cà Mau	01/07/2018			Công ty cùng Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng

				<i>Business Registration Number: 2001012298, Date of Issue: 24/03/2011, Place of Issue: Ca Mau</i>	<i>Lot D, Industrial Park, Ward 1, Ngo Quyen Street, Ward 1, Ca Mau City.</i>				Quốc gia Việt Nam <i>Companies within the VietNam National Industry - Energy Group</i>
4	Trường Cao đẳng Dầu khí <i>Pv College</i>			Số ĐKKD: 0100681592-028, ngày cấp: 17/03/2008, nơi cấp: Bà Rịa - Vũng Tàu <i>Business Registration Number: 0100681592-028, Date of Issue: 17/03/2008, Place of Issue: Ba Ria - Vung Tau</i>	120 Trần Phú, Phường 5, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu <i>120 Tran Phu Street, Ward 5, Vung Tau City, Ba Ria - Vung Tau Province</i>	01/07/2018			Trường cao đẳng cùng Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam <i>Colleges within the VietNam National Industry - Energy Group</i>
5	Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần <i>Vietnam Gas Corporation Joint Stock Company</i>			Số ĐKKD: 3500102710, ngày cấp: 13/12/2007, nơi cấp: Tp Hồ Chí Minh <i>Business Registration Number: 3500102710, Date of Issue: 13/12/2007, Place of Issue: Ho Chi Minh City</i>	PV Gas Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh <i>PV Gas Tower, 673 Nguyen Huu Tho Street, Nha Be, Ho Chi Minh City</i>	01/07/2018			Tổng công ty cùng Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam <i>Corporations within the VietNam National</i>

									Industry - Energy Group
6	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam <i>Vietnam Petrovietnam Security Service Joint Stock Company</i>			Số ĐKKD: 1013335223, ngày cấp: 09/02/2009, nơi cấp: Hà Nội <i>Business Registration Number: 1013335223, Date of Issue: 09/02/2009, Place of Issue: Hanoi</i>	Tầng G3 , Tháp 21 tầng, B4 Kim Liên, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội <i>G3 Floor, 21-story Building, B4 Kim Lien, Kim Lien Ward, Dong Da District, Hanoi</i>	01/07/2018			Công ty con của Tổng công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam, công ty cùng Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam <i>Subsidiaries of the Vietnam Oil and Gas Technical Services Corporation, companies within the VietNam National Industry - Energy Group</i>
7	Công ty TNHH PVCHEM-Tech <i>PVCHEM – Tech Company limited</i>			Số ĐKKD: 0109467561, ngày cấp: 24/12/2020, nơi cấp: Hà Nội <i>Business Registration Number: 0109467561, Date of Issue:</i>	Tầng 16, tòa nhà IDMC, số 15, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội <i>16th Floor, IDMC Building, No. 15</i>	24/12/2020			Công ty con của Tổng công ty hóa chất và dịch vụ dầu khí – CTCP, công ty cùng Tập đoàn Công nghiệp - Năng

				24/12/2020, Place of Issue: Hanoi	Pham Hung Street, My Dinh 2 Ward, Nam Tu Liem District, Hanoi				lượng Quốc gia Việt Nam Subsidiaries of the Petrochemical and Oil Services Corporation – JSC, companies within the VietNam National Industry - Energy Group
8	Tổng Công ty Dầu Việt Nam Vietnam Oil Corporation -Joint Stock Company			Số ĐKKD: 0305795054, ngày cấp: 26/06/2008, nơi cấp: Tp Hồ Chí Minh Business Registration Number: 0305795054, Date of Issue: 26/06/2008, Place of Issue: Ho Chi Minh City	Tầng 14-18, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Q. 1, Thành phố Hồ Chí Minh 14th-18th Floors, PetroVietnam Building, 1-5 Le Duan Street, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City	01/07/2018			Tổng công ty cùng Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam Corporations within the VietNam National Industry - Energy Group
9	Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Dầu khí Petroleum industrial & Civil construction Joint Stock Company			Số ĐKKD: 3500832971, ngày cấp: 26/11/2009, nơi cấp: Bà Rịa - Vũng Tàu Business Registration Number: 3500832971, Date of Issue: 26/11/2009, Place of	Số 35D, Đường 30/4, P.9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu 35D, 30/4 Street, Ward 9, Vung Tau	01/07/2018			Công ty cùng Tập đoàn Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam

				<i>Issue: Ba Ria - Vung Tau</i>	<i>City, Ba Ria - Vung Tau Province</i>				<i>Companies within the VietNam National Industry - Energy Group</i>
10	Ban QLDA Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1 <i>Sông hậu 1 Petroleum Power project Management Board</i>			Số ĐKKD: 0100681592-005, ngày cấp: 30/12/2014, nơi cấp: Hậu Giang <i>Business Registration Number: 0100681592-005, Date of Issue: 30/12/2014, Place of Issue: Hau Giang</i>	Áp Phú Xuân, Thị Trấn Mái Dầm, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang <i>Phu Xuan Hamlet, Mai Dam Town, Chau Thanh District, Hau Giang Province</i>	01/07/2018			Công ty cùng Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam <i>Companies within VietNam National Industry - Energy Group</i>
11	Viện Dầu khí Việt Nam <i>Vietnam Petroleum Institute</i>			Số ĐKKD: 0100150295-003, ngày cấp: 03/06/1998, nơi cấp: Hà Nội <i>Business Registration Number: 0100150295-003, Date of Issue: 03/06/1998, Place of Issue: Hanoi</i>	Số 167 Phố Trung Kính, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội. <i>167 Trung Kinh Street, Yen Hoa Ward, Cau Giay District, Hanoi City</i>	01/07/2018			Công ty cùng Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam <i>Companies within the VietNam National Industry - Energy Group</i>
12	Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí			Số ĐKKD: 0306194715, ngày cấp:	01-05 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé,	01/07/2018			Tổng công ty cùng Tập đoàn Công nghiệp - Năng

	<i>Petroleum Construction Maintenance and Repair Corporation</i>			24/11/2008, nơi cấp: Tp Hồ Chí Minh <i>Business Registration Number: 0306194715, Date of Issue: 24/11/2008, Place of Issue: Ho Chi Minh City</i>	Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. <i>01-05 Le Duan Street, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City</i>				lượng Quốc gia Việt Nam <i>Companies within the VietNam National Industry - Energy Group</i>
13	Công ty TNHH TM DV Kiểm định Dầu khí Việt Nam (PV EIC) <i>Vietnam Oil and Gas Inspection Trading Service Company Limited</i>			Số ĐKKD: 0309935626, ngày cấp: 12/04/2010, nơi cấp: Tp Hồ Chí Minh <i>Business Registration Number: 0309935626, Date of Issue: 12/04/2010, Place of Issue: Ho Chi Minh City</i>	01-05 Lê Duẩn. Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh <i>01-05 Le Duan Street, District 1, Ho Chi Minh City</i>	01/07/2018			Công ty cùng Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam <i>Companies within the VietNam National Industry - Energy Group</i>
14	Công ty cổ phần giám định năng lượng Việt Nam (EIC CORP) <i>Vietnam Energy inspection Joint Stock Company</i>			Số ĐKKD: 0310437664, ngày cấp: 08/11/2010, nơi cấp: TP Hồ Chí Minh <i>Business Registration Number: 0310437664, Date of Issue: November 8, 2010, Place of Issue: Ho Chi Minh City.</i>	32 Đào Duy Anh, Phường 09, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh <i>32 Dao Duy Anh, Ward 09, Phu Nhuan District, Ho Chi Minh City.</i>	01/07/2018			Công ty cùng Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam <i>Companies within the VietNam National Industry - Energy Group</i>

15	Tổng công ty bảo hiểm PVI <i>PetroVietnam Insurance Corporation</i>			Số ĐKKD: 0105402531, ngày cấp: 12/12/2011, nơi cấp: Hà Nội <i>Business Registration Number: 0105402531, Date of Issue: 12/12/2011, Place of Issue: Hanoi</i>	PVI Tower - 01 Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy, Hà Nội <i>PVI Tower, Pham Van Bach Street, Cau Giay Ward, Hanoi</i>	01/07/2018			Công ty cùng Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam <i>Companies within the VietNam National Industry - Energy Group</i>
16	Các Tổng công ty/Công ty khác cùng Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam <i>Other Corporations/Companies within the VietNam National Industry - Energy Group</i>								
CÔNG TY CON/ SUBSIDIARIES									
1	Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 <i>Nhon Trach 2 Petrovietnam Power Joint Stock Company</i>			Số ĐKKD: 3600897316, ngày cấp: 20/06/2007, nơi cấp: Đồng Nai <i>Business Registration Number: 3600897316, Date of Issue: 20/06/2007, Place of Issue: Dong Nai</i>	Ấp 3, xã Đại Phước, Đồng Nai <i>Hamlet 3, Đại Phước Commune, Dong Nai</i>	01/07/2018			Công ty con của Tổng công ty <i>Subsidiary of the Corporation</i>

2	Công ty CP Thủy điện Đakdrinh <i>Dakdrinh Hydropower Joint Stock Company</i>			Số ĐKKD: 4300350203, ngày cấp: 21/03/2007, nơi cấp: Quảng Ngãi <i>Business Registration Number: 4300350203, Date of Issue: 21/03/2007, Place of Issue: Quang Ngai</i>	Xã Sơn Tân, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi <i>Son Tan Commune, Son Tay District, Quang Ngai Province</i>	01/07/2018			Công ty con của Tổng công ty <i>Subsidiary of the Corporation</i>
3	Công ty CP Thủy điện Hua Na <i>Hua na Hydropower Joint Stock Company</i>			Số ĐKKD: 2900797430, ngày cấp: 16/05/2007, nơi cấp: Nghệ An <i>Business Registration Number: 2900797430, Date of Issue: 16/05/2007, Place of Issue: Nghe An</i>	Tầng 9 toàn nhà dầu khí Nghệ An, số 7, đường Quang Trung, Phường Quang Trung, Tp. Vinh, Tỉnh Nghệ An <i>9th Floor, Petroleum Building Nghệ An, No. 7 Quang Trung Street, Quang Trung Ward, Vinh City, Nghe An Province</i>	01/07/2018			Công ty con của Tổng công ty <i>Subsidiary of the Corporation</i>
4	Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam <i>Petrovietnam Power services Joint Stock Company</i>			Số ĐKKD: 0102560459, ngày cấp: 27/11/2007, nơi cấp: Hà Nội <i>Business Registration Number: 2900797430, Date of Issue: 16/05/2007, Place of Issue: Nghe An</i>	Tầng 7, Tòa nhà HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội <i>7th Floor, HH3 Building, My Dinh Urban Area, Nam Tu Liem, Hanoi</i>	01/07/2018			Công ty con của Tổng công ty <i>Subsidiary of the Corporation</i>
5	Công ty cổ phần năng lượng tái tạo Điện lực dầu khí <i>Petro Power renewable</i>			Số ĐKKD: 0109308963, ngày cấp: 13/08/2020, nơi cấp: Hà Nội	Tầng 5, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 đường Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy,	13/08/2020			Công ty con của Tổng công ty <i>Subsidiary of</i>

	<i>energy Joint Stock Company</i>			<i>Business Registration Number: 2900797430, Date of Issue: 16/05/2007, Place of Issue: Nghe An</i>	Thành phố Hà Nội 5th Floor, Oil and Gas Institute Building, 167 Trung Kinh Street, Yen Hoa Ward, Cau Giay District, Hanoi				<i>the Corporation</i>
CÔNG TY LIÊN KẾT/AFFILIATED COMPANY									
1	CTCP Điện Khí LNG Quảng Ninh <i>Quang Ninh LNG Electricity Joint Stock Company</i>			Số ĐKKD: 5702123925, ngày cấp: 02/11/2022, nơi cấp: Quảng Ninh <i>Business Registration Number: 5702123925 Date of Issue: 02/11/2022 Place of issue: Quang Ninh</i>	Khu phố Nội Hoàng Tây, Phường Hoàng Quế, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam Noi Hoang Tay Quarter, Hoang Que Ward, Quang Ninh Province, Vietnam	02/11/2022			Công ty liên kết <i>Affiliated company</i>

Phụ lục 2 / Appendix 2

GIAO DỊCH GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA TỔNG CÔNG TY; HOẶC GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

TRANSACTIONS BETWEEN THE CORPORATION AND ITS AFFILIATED PERSONS OR BETWEEN THE CORPORATION AND ITS MAJOR SHAREHOLDERS, INTERNAL PERSONS AND AFFILIATED PERSONS

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2026

Reporting Period: First half of 2026

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với Tổng công ty/ <i>Relationship with the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH <i>Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm giao dịch với Tổng công ty <i>Time of transaction s with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng quốc gia Việt Nam VietNam National Industry -	Công ty mẹ <i>The parent Company</i>	Số ĐKKD: 0100681592, ngày cấp: 01/07/2010, nơi cấp: Hà Nội <i>Business Registration Number:</i>	18 Phố Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội <i>18 Lang Ha Street, Giang Vo Ward, Hanoi City</i>	6 tháng đầu năm 2026 <i>First half of 2026</i>	- Nghị quyết số 44/NQ-ĐLĐK ngày 13/06/2024; - Nghị quyết số 27/NQ-ĐLĐK ngày 14/04/2024. - Nghị quyết số 02/NQ-ĐLĐK ngày	<u>1. Trong 6 tháng đầu năm 2026, tổng giá trị giao dịch/ Total transaction value during the first six months of 2026:</u> - Chi phí sử dụng nhãn hiệu: 17.328.966.439 đồng.	

	Energy Group		0100681592, Date of Issue: 01/07/2010, Place of Issue: Hanoi.			12/01/2026 - Resolution No. 44/NQ-ĐLĐK dated 13/06/2024. - Resolution No. 27/NQ-ĐLĐK dated 14/04/2024. - Resolution No. 02/NQ-ĐLĐK dated 12/01/2026.	Trademark royalty fees : 17,328,966,439 VND - Mua hàng: 0 đồng Purchases of goods: 0 VND 2. Số dư chủ yếu tại ngày 30/06/2026/ Major balances as of June 30, 2026 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng: 1.111.335.085 đồng; Short-term trade receivables: 1,111,335,085 VND - Phải thu khác ngắn hạn 218.489.976.676 đồng; Other short-term receivables: 218,489,976,676 VND - Phải trả ngắn hạn khác: 946.664.129.079 đồng. Other short-term payables: 946,664,129,079 VND - Phải trả người bán ngắn hạn: 4.332.027.595.292 đồng Short-term trade payables: 4,332,027,595,292 VND
--	--------------	--	---	--	--	---	--

2	Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch <i>Vung Ang - Quang Trach power project management board</i>	Ban Quản lý dự án thuộc Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam <i>Project Management Board under the VietNam National Industry - Energy Group</i>	Số ĐKKD: 0100681592 - 025, ngày cấp: 11/08/1998, nơi cấp: Quảng Bình <i>Business Registration Number: 0100681592 - 025, Date of Issue: 11/08/1998, Place of Issue: Quang Binh.</i>	Thôn Vĩnh Sơn, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình <i>Vinh Son Hamlet, Quang Dong Commune, Quang Trach District, Quang Binh Province</i>	6 tháng đầu năm 2026 <i>First half of 2026</i>		1. Trong 6 tháng đầu năm 2026, tổng giá trị giao dịch: 0 đồng. <i>/Total transaction value during the first six months of 2026: 0 VND</i> 2. Số dư chủ yếu tại ngày 30/06/2026/ <i>Major balances as of June 30, 2026:</i> - Phải thu khác ngắn hạn: 14.723.819.723 đồng. <i>Other short-term receivables: 14,723,819,723 VND</i>	*
3	Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 <i>Nhon Trach 2 Petrovietnam Power Joint Stock Company</i>	Công ty con <i>Subsidiary of the Corporation</i>	Số ĐKKD: 3600897316, ngày cấp: 20/06/2007, nơi cấp: Đồng Nai <i>Business Registration Number: 3600897316, Date of Issue: 20/06/2007, Place of Issue: Dong Nai</i>	Áp 3, Xã Đại Phước, Tỉnh Đồng Nai <i>Hamlet 3, Dai Phuc Commune, Dong Nai</i>	6 tháng đầu năm 2026 <i>First half of 2026</i>	- Nghị quyết số 56/NQ-ĐLĐK ngày 11/06/2026 - Resolution No. 56/NQ-ĐLĐK dated 11/06/2026.	1. Trong 6 tháng đầu năm 2026, tổng giá trị giao dịch: 0 đồng. <i>Total transaction value during the first six months of 2026: 0 VND</i> 2. Số dư chủ yếu tại ngày 30/06/2026: <i>Major balances as of June 30, 2026:</i> - Phải thu ngắn hạn của khách hàng: 85.621.398 đồng. <i>Short-term trade receivables:</i>	

							85,621,398VND	
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam <i>Petrovietnam Power services Joint Stock Company</i>	Công ty con <i>Subsidiary of the Corporation</i>	Số ĐKKD: 0102560459, ngày cấp: 27/11/2007, nơi cấp: Hà Nội <i>Business Registration Number: 0102560459, Date of Issue: 27/11/2007, Place of Issue: Hanoi</i>	Tầng 7, Tòa nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội <i>7th Floor, HH3 Mixed-use Building, My Dinh Urban Area, Nam Tu Liem District, Hanoi City</i>	6 tháng đầu năm 2026 <i>First half of 2026</i>	- Nghị quyết số 18/NQ-ĐLĐK ngày 12/03/2026 <i>- Resolution No. 18/NQ-ĐLĐK dated 12/03/2026</i>	1. Trong 6 tháng đầu năm 2026, tổng giá trị giao dịch/ <i>Total transaction value during the first six months of 2026:</i> - Bán hàng và cung cấp dịch vụ: 53.354.125 đồng <i>Sales of goods and rendering of services: 53,354,125 VND</i> - Mua hàng: 91.286.021.840 đồng. <i>Purchases of goods: 91,286,021,840 VND</i> - Thu nhập khác: 524.575.404 đồng <i>Other income: 524,575,404 VND</i> 2. Số dư chủ yếu tại ngày 30/06/2026/ <i>Major balances as of June 30, 2026:</i> - Ứng trước cho người bán: 514.471.600 đồng; <i>Short-term prepayments to suppliers: 514,471,600 VND</i>	

							- Phải thu khách hàng ngắn hạn: 8.601.395 đồng <i>Short-term trade receivables: 8,601,395 VND</i> - Phải trả người bán ngắn hạn: 42.367.503.436 đồng. <i>Short-term trade payables: 42,367,503,436 VND</i>	
5	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam <i>Vietnam public Joint Stock commercial Bank</i>	Ngân hàng cùng Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam <i>Banks within the VietNam National Industry - Energy Group</i>	Số ĐKKD: 0101057919, ngày cấp: 02/02/2018, nơi cấp: Hà Nội <i>Business Registration Number: 0101057919, Date of Issue: 02/02/2018, Place of Issue: Hanoi.</i>	Số 22 Ngô Quyền, Phường Cửa Nam, Hà Nội <i>No. 22 Ngo Quyen Street, Cua Nam Ward, Hanoi City</i>	6 tháng đầu năm 2026 <i>First half of 2026</i>	- Nghị quyết 62/NQ-ĐLDK ngày 16/06/2023; - Nghị quyết 68/NQ-ĐLDK ngày 03/7/2023; - Nghị quyết số 80/NQ-ĐLDK ngày 31/8/2023; - Nghị quyết số 21/NQ-ĐLDK ngày 17/03/2025. - Resolution No. 62/NQ-ĐLDK dated 16/06/2023; - Resolution No. 68/NQ-ĐLDK dated 03/07/2023;	1. Trong 6 tháng đầu năm 2026, tổng giá trị giao dịch/ <i>Total transaction value during the first six months of 2026:</i> - Lãi tiền gửi: 62.280.641.298 đồng; <i>Deposit interest income: 62,280,641,298 VND</i> - Chi phí lãi vay: 32.315.807.844 đồng. <i>Interest expense: 32,315,807,844 VND</i> 2. Số dư chủ yếu tại ngày 30/06/2026/ <i>Major balances as of June 30, 2026:</i> - Tiền gửi ngân hàng: 1.228.667.532.388 đồng.	

						- Resolution No. 80/NQ-ĐLĐK dated 31/08/2023; - Resolution No. 21/NQ-ĐLĐK dated 17/03/2025.	Cash at banks: 1,228,667,532,388 VND - Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 1 năm: 1.155.000.000.000 đồng Term deposits with terms from 3 to 12 months: 1,155,000,000,000 VND - Phải thu khác ngắn hạn: 930.787.264 đồng; Other short-term receivables: 930,787,264 VND - Chi phí phải trả: 0 đồng Accrued expenses: 0 VND	
6	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau <i>Ca Mau Petroleum Fertilizer Joint Stock Company</i>	Công ty cùng Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam <i>Companies within the VietNam National Industry - Energy Group</i>	Số ĐKKD: 2001012298, ngày cấp: 24/03/2011, nơi cấp: Cà Mau <i>Business Registration Number: 2001012298, Date of Issue: 24/03/2011, Place of Issue: Ca Mau</i>	Số 647 - 649, đường Ngô Quyền, Phường An Xuyên, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam <i>No. 647 - 649, Ngo Quyen Street, An Xuyen Ward, Ca Mau Province, Vietnam</i>	6 tháng đầu năm 2026 <i>First half of 2026</i>	- Nghị quyết số 14/NQ-ĐLĐK ngày 24/02/2025. - Resolution No. 14/NQ-ĐLĐK dated 21/02/2025.	<u>1. Trong 6 tháng đầu năm 2026, tổng giá trị giao dịch/</u> <i>Total transaction value during the first six months of 2026:</i> - Bán hàng và cung cấp dịch vụ: 114.431.152.516 đồng <i>Sales of goods and rendering of services: 114,431,152,516 VND</i> <u>2. Số dư chủ yếu tại ngày 30/06/2026/</u> <i>Major balances as of June 30, 2026:</i> - Phải thu ngắn hạn khách hàng: 58.890.630.625	

							đồng <i>Short-term trade receivables:</i> 58,890,630,625 VND	
7	Trường Cao đẳng Dầu khí <i>Pv College</i>	Trường cao đẳng cùng Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam <i>Colleges within the VietNam National Industry - Energy Group</i>	Số ĐKKD: 0100681592-028, ngày cấp: 17/03/2008, nơi cấp: Bà Rịa - Vũng Tàu <i>Business Registration Number: 0100681592-028, Date of Issue: 17/03/2008, Place of Issue: Ba Ria - Vung Tau</i>	120 Trần Phú, Phường 5, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam <i>120 Tran Phu Street, Ward 5, Vung Tau City, Ba Ria - Vung Tau Province, Vietnam</i>	6 tháng đầu năm 2026 <i>First half of 2026</i>	- Nghị quyết số 69/NQ-ĐLĐK ngày 05/7/2023; - Nghị quyết số 100/NQ-ĐLĐK ngày 05/12/2023; - Nghị quyết số 45/NQ-ĐLĐK ngày 14/06/2024; - Nghị quyết số 56/NQ-ĐLĐK ngày 24/07/2024; - Nghị quyết số 69/NQ-ĐLĐK ngày 24/10/2024. - Resolution No. 69/NQ-ĐLĐK dated 05/07/2023; - Resolution No. 100/NQ-ĐLĐK dated 05/12/2023; - Resolution No. 45/NQ-ĐLĐK dated 14/06/2024; - Resolution No. 56/NQ-ĐLĐK dated 24/07/2024;	1. Trong 6 tháng đầu năm 2026, tổng giá trị giao dịch/ <i>Total transaction value during the first six months of 2026:</i> - Mua hàng: 384.000.000 đồng. <i>Purchases of goods: 384,000,000 VND</i> 2. Số dư chủ yếu tại ngày 30/06/2026/ <i>Major balances as of June 30, 2026:</i> - Phải thu ngắn hạn khách hàng: 0 đồng. <i>Short-term trade receivables: 0 VND</i>	

						- Resolution No.69/NQ-ĐLDDK dated 24/10/2024.	
8	Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần <i>Vietnam Gas Corporation Joint Stock Company</i>	Tổng công ty cùng Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam <i>Corporations within the VietNam National Industry - Energy Group</i>	Số ĐKKD: 3500102710, ngày cấp: 13/12/2007, nơi cấp: Tp Hồ Chí Minh <i>Business Registration Number: 3500102710, Date of Issue: 13/12/2007, Place of Issue: Ho Chi Minh City</i>	PV Gas Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh <i>PV Gas Tower, 673 Nguyen Huu Tho Street, Nha Be, Ho Chi Minh City</i>	6 tháng đầu năm 2026 <i>First half of 2026</i>	- Nghị quyết số 54/NQ-ĐLDDK ngày 30/06/2025. - Nghị quyết số 12/NQ-ĐLDDK ngày 13/02/2026 - Nghị quyết số 13/NQ-ĐLDDK ngày 05/03/2026 - Resolution No. 54/NQ-ĐLDDK dated 30/06/2025. - Resolution No. 12/NQ-ĐLDDK dated 13/02/2026. - Resolution No. 13/NQ-ĐLDDK dated 05/03/2026.	<u>1. Trong 6 tháng đầu năm 2026, tổng giá trị giao dịch/ Total transaction value during the first six months of 2026:</u> - Mua hàng: 12.141.210.623.472 đồng <i>Purchases of goods: 12,141,210,623,472 VND</i> - Thu nhập khác: 322.636.362 đồng. <i>Other income: 322,636,362 VND</i> <u>2. Số dư chủ yếu tại ngày 30/06/2026/ Major balances as of June 30, 2026:</u> - Phải thu ngắn hạn khách hàng: 109.258.490 đồng. <i>Short-term trade receivables: 109,258,490 VND</i> - Phải trả người bán ngắn hạn: 4.310.434.560.949 đồng.

							<i>Short-term trade payables:</i> 4,310,434,560,949 VND - Phải thu ngắn hạn khác: 647.331.512 đồng <i>Other short-term receivables:</i> 647,331,512 VND	
9	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam <i>Vietnam Petrovietnam Security Service Joint Stock Company</i>	Công ty con của Tổng công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam, công ty cùng Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam <i>Subsidiaries of the Vietnam Oil and Gas Technical Services Corporation, companies within the VietNam National</i>	Số ĐKKD: 1013335223, ngày cấp: 09/02/2009, nơi cấp: Hà Nội <i>Business Registration Number: 1013335223, Date of Issue: 09/02/2009, Place of Issue: Hanoi</i>	Tầng G3, Tháp 21 tầng, B4 Kim Liên, Phường Kim Liên, Hà Nội <i>G3 Floor, 21-story Building, B4 Kim Lien, Kim Lien Ward, Hanoi</i>	6 tháng đầu năm 2026 <i>First half of 2026</i>	- Nghị quyết số 09/NQ-ĐLĐK ngày 11/02/2025; - Nghị quyết số 39/NQ-ĐLĐK ngày 25/04/2025; - Nghị quyết số 55/NQ-ĐLĐL ngày 30/06/2025. - Resolution No. 09/NQ-ĐLĐK dated 11/02/2025; - Resolution No. 39/NQ-ĐLĐK dated 25/04/2025; - Resolution No. 55/NQ-ĐLĐK dated 30/06/2025.	1. Trong 6 tháng đầu năm 2026, tổng giá trị giao dịch/ <u>Total transaction value during the first six months of 2026:</u> - Mua hàng: 6.402.613.990 đồng <i>Purchases of goods: 6,402,613,990 VND</i> - Thu nhập khác: 69.136.362 đồng. <i>Other income: 69,136,362 VND</i> 2. Số dư chủ yếu tại ngày 30/06/2026/ <u>Major balances as of June 30, 2026:</u> - Phải thu ngắn hạn của khách hàng: 12.675.000 đồng. <i>Short-term trade receivables: 12,675,000 VND</i>	

10	Tổng Công ty Dầu Việt Nam <i>Vietnam Oil Corporation - Joint Stock Company</i>	Tổng công ty cùng Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam <i>Corporations within the VietNam National Industry - Energy Group</i>	Số ĐKKD: 0305795054, ngày cấp: 26/06/2008, nơi cấp: Tp Hồ Chí Minh <i>Business Registration Number: 0305795054, Date of Issue: 26/06/2008, Place of Issue: Ho Chi Minh City</i>	Tầng 14-17, Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1-5, Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh <i>Floors 14-17, PetroVietnam Tower, No. 1-5, Le Duan Street, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City</i>	6 tháng đầu năm 2026 <i>First half of 2026</i>	- Nghị quyết số 23/NQ-ĐLĐK ngày 24/03/2025. - Nghị quyết số 72/NQ-ĐLĐK ngày 15/09/2025 - Nghị quyết số 01/NQ-ĐLĐK ngày 06/01/2026 - Resolution No. 23/NQ-ĐLĐK dated 24/03/2025. - Resolution No. 72/NQ-ĐLĐK dated 15/09/2025. - Resolution No. 01/NQ-ĐLĐK dated 06/01/2026.	1. Trong 6 tháng đầu năm 2026, tổng giá trị giao dịch/ <i>Total transaction value during the first six months of 2026:</i> - Mua hàng: 13.097.390.605 đồng. <i>Purchases of goods: 13,097,390,605 VND</i> 2. Số dư chủ yếu tại ngày 30/06/2026/ <i>Major balances as of June 30, 2026:</i> - Phải trả người bán ngắn hạn: 2.415.418.855 đồng. <i>Short-term trade payables: 2,415,418,855 VND</i>	
11	Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Dầu khí <i>Petroleum industrial & Civil construction Joint Stock Company</i>	Công ty cùng Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam <i>Companies within the VietNam National Industry - Energy</i>	Số ĐKKD: 3500832971, ngày cấp: 26/11/2009, nơi cấp: Bà Rịa - Vũng Tàu <i>Business Registration Number: 3500832971, Date of Issue: 26/11/2009, Place of Issue:</i>	Số 35D, Đường 30/4, P.9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu <i>35D, 30/4 Street, Ward 9, Vung Tau City, Ba Ria - Vung Tau Province</i>	6 tháng đầu năm 2026 <i>First half of 2026</i>		1. Trong 6 tháng đầu năm 2026, tổng giá trị giao dịch: 0 đồng. <i>Total transaction value during the first six months of 2026: 0 VND</i> 2. Số dư chủ yếu tại ngày 30/06/2026/ <i>Major balances as of June 30, 2026:</i> - Phải thu khác ngắn hạn 845.101.105 đồng.	**

		<i>Group</i>	<i>Ba Ria - Vung Tau</i>				<i>Other short-term receivables:</i> 845,101,105 VND - Phải trả ngắn hạn khác: 768.273.732 đồng. <i>Other short-term payables:</i> 768,273,732 VND	
12	Công ty TNHH PVCHEM – Tech <i>PVCHEM - Tech Company limited</i>	Công ty con của Tổng công ty hóa chất và dịch vụ dầu khí - CTCP - Tổng công ty cùng Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam <i>Subsidiaries of Petrovietnam Chemical and Services Corporation, companies within the VietNam National Industry -</i>	Số ĐKKD: 0109467561, ngày cấp: 24/12/2020, nơi cấp: Hà Nội <i>Business Registration Number: 0109467561, Date of Issue: 24/12/2020, Place of Issue: Hanoi</i>	Tầng 12 Toà nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 phố Trung Kính, Phường Yên Hoà, Thành phố Hà Nội, <i>12th Floor, Vietnam Petroleum Institute Building, No. 167 Trung Kinh Street, Yen Hoa Ward, Hanoi City</i>	6 tháng đầu năm 2026 <i>First half of 2026</i>		1. Trong 6 tháng đầu năm 2026, tổng giá trị giao dịch/ <i>Total transaction value during the first six months of 2026:</i> - Mua hàng: 10.980.199.037 đồng. <i>Purchases of goods: 10,980,199,037 VND</i> 2. Số dư chủ yếu tại ngày 30/06/2026/ <i>Major balances as of June 30, 2026:</i> - Phải trả người bán ngắn hạn: 11.880.322.164 đồng. <i>Short-term trade payables: 11,880,322,164 VND</i>	**

		<i>Energy Group</i>						
13	Tổng công ty bảo hiểm PVI <i>PetroVietnam Insurance Corporation</i>	Tổng công ty cùng Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam <i>Companies within the VietNam National Industry - Energy Group</i>	Số ĐKKD: 0105402531, ngày cấp: 12/12/2011, nơi cấp: Hà Nội <i>Business Registration Number: 0105402531, Date of Issue: 12/12/2011, Place of Issue: Hanoi</i>	Tầng 24 tòa nhà PVI Tower, lô VP2 Yên Hòa, Phường Cầu Giấy, TP Hà Nội, <i>24th Floor, PVI Tower, VP2 Plot, Yen Hoa, Cau Giay Ward, Hanoi City</i>	6 tháng đầu năm 2026 <i>First half of 2026</i>		1. Trong 6 tháng đầu năm 2026, tổng giá trị giao dịch/ <i>Total transaction value during the first six months of 2026:</i> - Mua hàng: 182.558.499.011 đồng <i>Purchases of goods: 182,558,499,011 VND</i> 2. Số dư chủ yếu tại ngày 30/06/2026/ <i>Major balances as of June 30, 2026:</i> - Phải trả người bán ngắn hạn: 18.260.728.631 đồng. <i>Short-term trade payables: 18,260,728,631 VND</i> - Phải trả khác: 10.000.000.000 đồng <i>Other payables: 10,000,000,000 VND</i>	**
14	CTCP Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí Việt Nam <i>Oil and Gas</i>	Công ty Con <i>Subsidiary</i>	Số ĐKKD: 0109308963, ngày cấp: 13/08/2020, nơi cấp: Hà Nội	Tầng 5, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 đường Trung Kính, Phường Yên Hoà, Thành phố Hà Nội	6 tháng đầu năm 2026 <i>First half of 2026</i>		1. Trong 6 tháng đầu năm 2026, tổng giá trị giao dịch/ <i>Total transaction value during the first six months of 2026:</i>	**

	Power Renewable Energy Joint Stock Company		Business Registration Number: 0109308963 Date of Issue: 13/08/2020 Place of issue: Hanoi	5 th floor, Vietnam Petroleum Institute Building, 167 Trung Kinh, Yen Hoa, Hanoi			- Mua hàng/ 4.887.048.866 đồng. <i>Purchases of goods:</i> 4,887,048,866 VND - Thu nhập khác: 106.286.607 đồng <i>Other income:</i> 106,286,607 VND <u>2. Số dư chủ yếu tại ngày</u> <u>30/06/2026/</u> <i>Major</i> <i>balances as of June 30,</i> <i>2026:</i> - Chi phí phải trả: 0 đồng <i>Accrued expenses: 0 VND</i> - Phải thu khách hàng ngắn hạn: 116.915.268 đồng <i>Short-term trade</i> <i>receivables: 116,915,268</i> <i>VND</i> - Phải trả người bán: 5.278.012.775 đồng <i>Trade payables:</i> <i>5,278,012,775 VND</i>	
--	--	--	---	---	--	--	--	--

15	CTCP Thủy điện Hòa Na	Công ty con	Số ĐKKD: 2900797430 , ngày cấp: 25/05/2007, nơi cấp: Nghệ An <i>Business Registration Number: 0109308963 Date of Issue: 25/05/2007 Place of issue: Nghệ An</i>	Tầng 9 Tòa nhà Dầu khí, Số 7, Phường Quang Trung, Tỉnh Nghệ An <i>9th Floor, PetroVietnam Building, No. 7, Quang Trung Ward, Nghe An Province</i>	6 tháng đầu năm 2026 <i>First half of 2026</i>		1. Trong 6 tháng đầu năm 2026, tổng giá trị giao dịch/ <i>Total transaction value during the first six months of 2026:</i> 0 đồng <i>Loan guarantee fees: 0 VND</i> 2. Số dư chủ yếu tại ngày 30/06/2026/ <i>Major balances as of June 30, 2026:</i> - Phải thu ngắn hạn của khách hàng: 30.000.000 đồng <i>Short-term trade receivables: 30,000,000 VND</i>	**
16	CTCP Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Việt Nam <i>PetroVietnam Trading and Service Joint Stock Company</i>	Tổng công ty cùng Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam <i>Companies within the VietNam National Industry - Energy Group</i>	Số ĐKKD: 0102278170, ngày cấp: 05/06/2007, nơi cấp: Hà Nội <i>Business Registration Number: 0102278170 Date of Issue: 05/06/2007 Place of issue: Hà Nội</i>	18 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, TP Hà Nội <i>18 Lang Ha Street, Giang Vo Ward, Hanoi City</i>	6 tháng đầu năm 2026 <i>First half of 2026</i>	- Nghị quyết số 50/NQ-ĐLĐK ngày 21/05/2026 - Resolution No. 50/NQ-ĐLĐK dated 21/05/2026.	1. Trong 6 tháng đầu năm 2026, tổng giá trị giao dịch/ <i>Total transaction value during the first six months of 2026:</i> - Mua hàng: 861.740.000 đồng. <i>Purchases of goods: 861,740,000 VND</i> 2. Số dư chủ yếu tại ngày 30/06/2026/ <i>Major balances as of June 30, 2026:</i> - Phải trả người bán: 0 đồng <i>Trade payables: 0 VND</i>	

Ghi chú:/ Notes

* Các Giao dịch với Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch (Mục số 2): Các giao dịch này phát sinh từ trước thời điểm PV Power cổ phần hoá nên không có nghị quyết của HĐQT/ĐHĐCĐ.

** Transactions with Vung Ang - Quang Trach power project management board (No. 2) took place before the equitization of PV Power so there was not any corresponding resolutions of Board of Directors/General Meetings of Shareholders.*

** Các Giao dịch với Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Dầu khí (Mục số 11); Công ty TNHH PVCHEM - Tech (Mục số 12); Tổng công ty bảo hiểm PVI (Mục số 13); CTCP Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí Việt Nam (Mục số 14); Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na (Mục số 15): không có Nghị quyết HĐQT/ĐHĐCĐ thông qua do HĐQT PV Power đã thực hiện phân cấp, phân quyền cho Giám đốc các Chi nhánh chủ động triển khai các hoạt động của đơn vị (nội dung này PV Power đã giải trình tại công văn số 1868/ĐLDK-KTKH ngày 07/10/2024).

*** Transactions with Petroleum industrial & Civil construction Joint Stock Company (No.11); PVCHEM – Tech Company limited (No.12); PetroVietnam Insurance Corporation (No.13); Oil and Gas Power Renewable Energy Joint Stock Company (No.14); Hua Na Hydropower Joint Stock Company (No.15): there were no resolutions of Board of Directors/General Meetings of Shareholders as PV Power's Board of Directors has authorized directors of branches to autonomously implement the branches' operation (this content has been justified by PV Power in Document 1868/ĐLDK-KTKH dated 07/10/2024).*